

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-PT

Ngày: 10/01/2024

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Trâm

- Các Thẩm phán: Ông Sỹ Hồng Nam

Bà Mai Trần Cảnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28/11/2023, ngày 21/12/2023, ngày 10/01/2024 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 453/2023/TLPT-DS ngày 10/10/2023 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4937/2023/QĐ-PT ngày 26/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15832/2023/QĐ-PT ngày 28/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Quang M, sinh năm 1980; địa chỉ: 3 Cư xá L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hà Nguyễn Thu H, sinh năm 1995; địa chỉ: Số G, Đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền công chứng số 013125, quyền số 06/2022TP/CC-SCC/HĐND ngày 02/6/2022 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt);

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Số A, Đường số E, Khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

2.1. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:

2.1.1. Ông Huỳnh Hữu Thanh H1, sinh năm 1980, Giám đốc; địa chỉ: Số B N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2.1.2. Ông Huỳnh Cao T, sinh năm 1980, Giám đốc kỹ thuật; địa chỉ: Số D Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2.2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Mai Đại D (theo Giấy ủy quyền ngày 06/10/2023 và 09/10/2023); địa chỉ liên lạc: P Tòa L Vinhomes G, số B, đường T, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2.3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vũ Đức N; địa chỉ liên lạc: P Tòa L Vinhomes G, số B, đường T, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Sĩ Q; địa chỉ: Số I T, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt);

3.2. Công ty cổ phần T2; địa chỉ: Số C L, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội (vắng mặt);

3.3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn C1; địa chỉ: Số C P, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

3.4. Công ty Trách nhiệm hữu hạn G; địa chỉ: Số A Đường số C, Khu phố D, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

3.5. Công ty Cổ phần K; địa chỉ: Số D Đ, Ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

3.6. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3; địa chỉ: Số B đường A, Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

3.7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn K1; địa chỉ: Số D, thôn V, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt);

3.8. Bà Nguyễn Thị Hồng H2; địa chỉ: Số I M, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- *Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đ – Bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:*

Ông Huỳnh Quang M là nhân viên lao động của Công ty Cổ phần Đ (từ đây gọi tắt Công ty Đ) do ông Huỳnh Hữu Thanh H1, ông Nguyễn Sĩ Q và ông Huỳnh Cao T cùng làm đại diện theo pháp luật Công ty Đ.

Hội đồng quản trị Công ty Đ đã ủy quyền cho ông Q theo Quyết định số 300620/QĐ/PAL được toàn quyền quyết định trong việc ký và giao dịch với tất cả các ngân hàng mà Công ty Đ đang giao dịch, cụ thể: Ông Q được quyền đứng tên chủ tài khoản của Công ty Đ tại các ngân hàng, ký ủy nhiệm chi, hợp đồng, chứng thư, bảo lãnh và toàn bộ các giao dịch có liên quan đến ngân hàng.

Trong quá trình điều hành hoạt động, thì giữa các thành viên của Công ty Đ có sự bất đồng quan điểm với nhau, dẫn đến ông H1 đã tự động thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ từ ba (03) người là ông H1, ông Q, ông T còn hai (02) người là ông H1, ông T, không thông qua ý kiến của ông Q.

Ông H1 cũng tự động thay đổi mẫu con dấu của Công ty Đ sau khi có giấy phép thay đổi lần thứ 7 ngày 30/11/2020 và báo ngân hàng thay đổi người đại diện đứng tên chủ tài khoản từ ông Q sang tên ông H1, lúc này ông H1 không hợp tác với mọi hoạt động của Công ty Đ, không đồng ý thanh toán tiền lương, thưởng tết cho người lao động, không thanh toán tiền nợ của các nhà thầu, công ty mà Công ty Đ đã ký. Trước những khó khăn về tài chính không rút được tiền từ ngân hàng, ông Q phải nhờ và tạm ứng tiền của ông M để thanh toán tiền cho các nhà thầu, công ty và chi trả lương, thưởng cuối năm cho người lao động; Cụ thể các khoản tiền sau:

1. Trả cho Công ty Cổ phần T2 (gọi tắt Công ty T2) theo Hợp đồng số 070720/HĐNT/ADG-Palma ngày 07/7/2020, tổng cộng 2.667.572.684 đồng, cụ thể: Ngày 14/12/2020 trả 1.100.000.000 đồng, ngày 18/12/2020 trả 377.041.219 đồng, ngày 25/12/2020 trả 1.190.531.465 đồng.

2. Trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C1 (gọi tắt Công ty C1) theo Hợp đồng VT/2020/Pal-AQUA ngày 01/10/2020, tổng cộng 834.118.167 đồng, cụ thể: Ngày 25/12/2020 trả 300.000.000 đồng, ngày 16/01/2021 trả 200.000.000 đồng, ngày 05/02/2021 trả 200.000.000 đồng, ngày 08/01/2022 trả 134.118.167 đồng,

3. Trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (gọi tắt Công ty G) theo Hợp đồng thi công số VT/2020/Pal-Esol ngày 16/10/2020, tổng cộng 500.000.000 đồng; cụ thể: Ngày 25/12/2020 trả 300.000.000 đồng, ngày 16/01/2021 trả 200.000.000 đồng.

4. Trả cho Công ty Cổ phần K (gọi tắt Công ty K) theo HĐKT số 02.10/DA-Palma/HĐKT 2020 ngày 02/10/2020, tổng cộng 726.241.692 đồng, cụ thể: Ngày 16/01/2021 trả 300.000.000 đồng, ngày 29/01/2021 trả 200.000.000 đồng, ngày 07/01/2022 trả 226.241.692 đồng.

5. Trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 (gọi tắt Công ty T3) theo Hợp đồng số VT/2020/PAL-TT ngày 26/10/2020, tổng cộng 300.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 05/11/2021 trả 150.000.000 đồng, ngày 30/12/2021 trả 150.000.000 đồng.

6. Trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K2 (gọi tắt Công ty K2) là đơn vị thầu phụ theo Hợp đồng số HĐTP/PALMA VN-KD/2020-1 ngày 20/11/2020, cụ thể ngày 05/11/2021 trả 32.880.320 đồng.

7. Ngoài ra, ông Q cũng đã tạm ứng tiền của ông M để thanh toán lương, thưởng tháng 13 cho người lao động, cụ thể như sau: Ngày 25/12/2020 thanh toán lương tháng 12/2020 là 345.167.000 đồng, ngày 26/01/2021 thanh toán lương tháng 01/2021 là 336.968.354 đồng, ngày 03/02/2021 thanh toán lương tháng 13/2020 và tiền thưởng là 1.018.775.000 đồng, ngày 01/3/2021 thanh toán lương tháng 02/2021 là 398.870.670 đồng, tổng cộng 2.090.781.024 đồng.

Ông M đã tạm ứng tiền cho Công ty Đ trả tiền cho nhà thầu, công ty và trả lương, thưởng cho người lao động tổng cộng là: 7.151.593.887 đồng.

Nay, ông M đề nghị Công ty Đ phải có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ số tiền ông ứng cho Công ty Đ để giải quyết các công nợ lúc khó khăn, số tiền tổng cộng là 7.151.593.887 đồng, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ngày 09/5/2023, ngày 15/5/2023, bà H đại diện ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Đ phải trả cho ông M số tiền

7.151.593.887 đồng. Do khi chuyển khoản cho công ty, nhà thầu, cho bà H2 kế toán Công ty Đ có nhiều khoản tiền lẻ cho đúng yêu cầu, nên khi ông M cộng tất cả các khoản tiền đã tạm ứng lại có sai sót số tiền theo đơn khởi kiện. Sau đó nguyên đơn có bổ sung đơn khởi kiện cho phù hợp số tiền đã chuyển khoản, nguyên đơn xác định lại số tiền ông M yêu cầu Công ty Đ trả cho ông là 7.151.593.887 đồng. Tuy nhiên tại các phiên tòa, nguyên đơn ông M đồng ý nhận số tiền tổng cộng được làm tròn số là 7.151.000.000 đồng, ông M đồng ý bỏ phần tiền lẻ và ông M không yêu cầu tính tiền lãi đối với Công ty Đ.

- Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Công ty Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông M buộc Công ty Đ phải trả số tiền 7.151.593.887 đồng cho ông M.

Công ty Đ không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M, vì: Ông M không được Công ty Đ ủy quyền để thanh toán nợ, trả tiền lương, thưởng tết cho người lao động; ông Q không còn là đại diện pháp luật của Công ty Đ. Nếu ông M cung cấp được giấy ủy quyền của Công ty Đ đồng ý để ông M thay mặt Công ty Đ thanh toán các khoản tiền trên, thì công ty Đ1 thanh toán lại cho ông M. Bị đơn Công ty Đ đề nghị Tòa án đưa bà Nguyễn Thị Hồng H2 vào tham gia tố tụng trong vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa ngày 09/05/2023 và ngày 15/05/2023, ông B được Công ty Đ ủy quyền tham gia phiên tòa trình bày: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M, vì ông Q không còn là đại diện pháp luật của Công ty Đ từ ngày 30/11/2020. Từ ngày 30/11/2020 bị đơn đã thay đổi người đại diện theo quy định pháp luật. Ông M không được Công ty Đ ủy quyền để thay mặt Công ty Đ thanh toán các khoản tiền trên, hồ sơ người lao động không đầy đủ và không được bị đơn công nhận, Công ty Đ không đồng ý thanh toán các khoản tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông M và đại diện bị đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác tại phiên tòa.

- Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Nguyễn Sĩ Q trình bày: Ông Q với ông H1, ông T làm người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ, doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần đăng ký lần đầu ngày 23/01/2017.

Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị Công ty Đ đã ủy quyền cho ông Q theo Quyết định số 300620/QĐ/PAL ngày 30/6/2020 được toàn quyền quyết định trong việc ký và giao dịch với tất cả các ngân hàng mà công ty đang giao dịch, cụ thể: Được quyền đứng tên chủ tài khoản của Công ty Đ tại các ngân hàng, ký ủy nhiệm chi, hợp đồng, chứng thư bảo lãnh và toàn bộ các giao dịch có liên quan đến ngân hàng.

Trong quá trình điều hành, giữa các sáng lập viên của Công ty Đ có sự bất đồng quan điểm với nhau, ông H1 đã tự động thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ, từ ba (03) người là ông H1, ông Q và ông T còn lại hai (02) người là ông H1, ông T, không thông qua ý kiến của ông Q. Ngoài ra, ông H1 cũng tự động thay đổi mẫu con dấu mới của Công ty Đ, ông H1 gửi công văn yêu cầu các ngân hàng thay đổi người đại diện đứng tên chủ tài khoản từ tên ông Q sang tên ông H1 và bất hợp tác với mọi hoạt động của công ty như: Không đồng ý thanh toán tiền lương cho người lao động, không thanh toán tiền cho các nhà thầu, công ty đến hạn theo các hợp đồng ký kết. Điều này dẫn đến ông Q đã bị các nhà thầu hăm dọa, do Công ty Đ không thực hiện các khoản thanh toán trên các hợp đồng được ký kết. Trước những khó khăn và áp lực này, ông phải tạm ứng tiền của ông M để thanh toán tiền cho nhà thầu, công ty, các đối tác và trả lương, thưởng cuối năm cho người lao động, cụ thể: Trả cho Công ty T2 theo Hợp đồng số 070720/HĐNT/ADG-Palma ngày 07/7/2020 số tiền 2.667.572.684 đồng; Trả cho Công ty C1 theo Hợp đồng VT/2020/Pal-AQUA tổng cộng 879.118.167 đồng, cụ thể như sau: Ngày 25/12/2020 trả 300.000.000 đồng, ngày 16/01/2021 trả 200.000.000 đồng, ngày 05/2/2021 trả 200.000.000 đồng, ngày 02/3/2021 trả 45.000.000 đồng, ngày 08/01/2022 trả 134.118.167 đồng; Trả cho Công ty G tổng cộng 500.000.000 đồng theo Hợp đồng thi công số VT/2020/Pal-Esol ngày 16/10/2020; cụ thể: Ngày 25/12/2020 trả 300.0000.000 đồng, ngày 16/01/2021 trả 200.000.000 đồng; Trả cho Công ty K theo HĐKT số 02.10/DA-Palma/HĐKT 2020 ngày 2/10/2020 số tiền 726.241.692 đồng, cụ thể: Ngày 29/01/2021 trả 200.000.000 đồng, ngày 07/01/2022 trả 226.241.692 đồng, ngày 16/01/2021 trả 300.000.000 đồng; Trả cho Công ty T3 theo hợp đồng số VT/2020/PAL-TT ngày 26/10/2020 số tiền 300.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 05/11/2021 trả 150.000.000 đồng, ngày 30/12/2021 trả 150.000.000 đồng; Trả cho Công ty K2 là đơn vị thầu phụ 32.880.320 đồng vào ngày 05/11/2021 theo Hợp đồng ngày 20/11/2020; Tạm

ứng tiền của ông M để thanh toán lương, thưởng cho người lao động, tổng cộng khoản thanh toán tiền lương: 2.090.780.856 đồng.

Tổng số tiền ông M đã tạm ứng trước cho Công ty Đ tổng cộng là: 7.196.593.719 đồng (Bảy tỷ một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm mười chín đồng). Số tiền này được chuyển khoản từ tài khoản của ông M cho các nhà thầu đã nêu trên, chuyển khoản vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Hồng H2 (gọi tắt bà H2) là kế toán của Công ty Đ, để bà H2 thanh toán lại cho nhà thầu, công ty, trả lương cho người lao động. Nội dung thanh toán tiền đều thể hiện Công ty Đ thanh toán, đồng thời các nhà thầu xác nhận đã nhận đủ số tiền do ông M chuyển tạm ứng trước.

Ông có yêu cầu ông H1 ký ủy nhiệm chi để thực hiện việc thanh toán tiền cho các đối tác, để họ chuyển trả lại cho ông M, hoặc ông H1 trực tiếp trả lại tiền cho ông M, nhưng ông H1 vẫn không đồng ý. Các công ty, nhà thầu được ông M chuyển tiền thay cho Công ty Đ cũng đồng ý để Công ty Đ thanh toán lại trực tiếp cho ông M.

Nay ông M khởi kiện Công ty Đ yêu cầu trả số tiền mà ông M đã tạm ứng trước cho Công ty Đ là hoàn toàn đúng, ông không có yêu cầu hay bất kỳ khiếu nại nào liên quan vụ việc giữa ông M và Công ty Đ. Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

2. Công ty T2 trình bày: Ngày 07/7/2020, Công ty Đ và công ty T2 có ký kết Hợp đồng số 070720/HĐNT/ADG-PALMA. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã chậm trễ thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo từng đơn đặt hàng, mặc dù công ty T2 đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ của mình. Sau đó ông Q có yêu cầu ông M thanh toán tiền cho Công ty T2 với số tiền 2.667.572.684 đồng. Khi thanh toán tiền cho Công ty Đ, ông M và công ty T2 có thỏa thuận: Sau này nếu Công ty Đ không trả cho ông M, thì ông M được toàn quyền đi khởi kiện Công ty Đ để đòi lại tiền đã thanh toán cho Công ty T2.

Nay, ông M khởi kiện Công ty Đ hoàn trả số tiền 2.667.572.684 đồng là hoàn toàn đúng. Công ty T2 hoàn toàn không có ý kiến gì và Công ty T2 cũng đề nghị Tòa án buộc Công ty Đ thanh toán lại trực tiếp cho ông M số tiền mà Công ty T2 đã nhận được từ ông M đã thanh toán cho Công ty T2. Công ty T2 không có bất kỳ yêu cầu gì trong vụ án này giữa ông M và Công ty Đ và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

3. Công ty G trình bày: Ngày 16/10/2020 Công ty Đ và Công ty G có ký kết Hợp đồng thi công số VT/2020/PAL-ESOL. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã chậm trễ thực hiện thanh toán số tiền 500.000.000 đồng cho Công ty G, mặc dù Công ty G đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ của mình. Sau đó ông Q có yêu cầu ông M thanh toán tiền cho Công ty G, cụ thể: Ngày 25/12/2020 trả 300.000.000 đồng, ngày 16/01/2021 trả 200.000.000 đồng, tổng cộng khoản tiền 500.000.000 đồng được chuyển từ tài khoản cá nhân của ông M.

Nay, ông M khởi kiện Công ty Đ hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng là hoàn toàn đúng và Công ty G hoàn toàn không có ý kiến hay khiếu nại gì. Công ty G cũng đồng ý đề nghị Tòa án buộc Công ty Đ thanh toán lại trực tiếp cho ông M số tiền mà Công ty G đã nhận được từ ông M. Công ty G không có bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại nào trong vụ án giữa ông M và Công ty G và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

4. Công ty T3 trình bày: Ngày 26/10/2020 Công ty Đ và Công ty T3 có ký kết hợp đồng số VT/2020/PAL-TT và phụ lục số VT/2020/PAL-TT ngày 01/11/2020, với tổng giá trị hợp đồng và phụ lục tương đương với số tiền 829.356.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ vẫn chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tiền cho công ty T3 mặc dù Công ty T3 đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ của mình. Sau đó ông Q có yêu cầu ông M thanh toán tiền cho Công ty T3, cụ thể ngày 05/11/2021 trả số tiền 150.000.000 đồng, ngày 30/12/2021 trả 150.000.000 đồng. Tổng cộng khoản tiền 300.000.000 đồng được chuyển từ tài khoản cá nhân của ông M.

Nay, ông M khởi kiện Công ty Đ hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng là hoàn toàn đúng. Công ty T3 cũng đồng ý Công ty Đ thanh toán lại trực tiếp cho ông M số tiền mà Công ty T3 đã nhận được từ ông M. Công ty T3 không có bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại nào trong vụ án giữa ông M và Công ty Đ và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

5. Công ty K2 trình bày: Ngày 20/11/2020 Công ty Đ và Công ty K2 có ký kết hợp đồng, với tổng giá trị hợp đồng tương đương với số tiền 32.880.320 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã chậm trễ thực hiện thanh toán số tiền trên cho Công ty K2, mặc dù Công ty K2 đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu

Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ của mình. Sau đó ông M thanh toán số tiền 32.880.320 đồng cho Công ty K2.

Nay, ông M khởi kiện Công ty Đ hoàn trả số tiền 32.880.320 đồng là hoàn toàn đúng và Công ty K2 cũng đồng ý Công ty Đ thanh toán lại trực tiếp cho ông M số tiền mà Công ty K2 đã nhận được từ ông M. Công ty K2 không có bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại nào trong vụ án giữa ông M và Công ty Đ và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

6. Công ty C1 trình bày: Công ty Đ và Công ty C1 có ký kết hợp đồng VT/2020/Pal-AQUA. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã chậm trễ thực hiện thanh toán số tiền trên cho Công ty C1 mặc dù Công ty C1 đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ của mình. Sau đó ông Q có yêu cầu ông M thanh toán tiền cho Công ty C1 theo từng đợt thanh toán cụ thể: Ngày 25/12/2020 trả 300.000.000 đồng, ngày 16/01/2021 trả 200.000.000 đồng, ngày 05/02/2021 trả 200.000.000 đồng, ngày 08/01/2022 trả 134.118.167 đồng. Tổng cộng là 834.118.167 đồng, được chuyển từ tài khoản của ông M và tài khoản của bà H2 – kế toán của Công ty Đ.

Nay, ông M khởi kiện Công ty Đ hoàn trả số tiền 834.118.167 đồng là hoàn toàn đúng và Công ty C1 hoàn toàn không có ý kiến hay khiếu nại gì. Công ty C1 cũng đồng ý Tòa án buộc Công ty Đ thanh toán lại trực tiếp cho ông M số tiền mà Công ty C1 đã nhận được từ ông M. Công ty C1 không có bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại nào trong vụ án giữa ông M và Công ty Đ và xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

7. Công ty K trình bày : Ngày 02/10/2020 Công ty Đ và Công ty K có ký kết HĐKT số 02.10/DA- Palma/HĐKT 2020, với tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT 10% tương đương với số tiền 726.241.692 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã chậm trễ thực hiện thanh toán số tiền trên cho Công ty K mặc dù Công ty K đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu Công ty Đ thực hiện nghĩa vụ của mình. Sau đó ông Q có yêu cầu ông M thanh toán tiền cho Công ty K, cụ thể: Ngày 29/01/2021 trả 200.000.000 đồng – chuyển qua tài khoản ông Lê Đức P, ngày 7/01/2022 trả 226.241.692 đồng – chuyển qua tài khoản ông Lê Đức P, ngày 16/01/2021 trả 300.000.000 đồng – chuyển qua tài khoản ông Lê Đức P. Số tiền nêu trên được chuyển từ tài khoản cá nhân của ông M qua tài khoản ông Lê Đức P. Nay, ông M khởi kiện Công ty Đ hoàn trả số tiền 726.241.692 đồng là hoàn toàn

đúng. Công ty K đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty Đ, vì thế mọi thủ tục về thuế Công ty Đ phải thực hiện theo đúng pháp luật hiện hành. Công ty K không có bất kỳ yêu cầu hay khiếu nại nào trong vụ án giữa ông M và Công ty Đ. Công ty K xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

8. Bà Nguyễn Thị Hồng H2 trình bày: Bà làm việc tại Công ty Đ chức vụ kế toán từ tháng 4/2019 đến tháng 3/2021. Tháng 3/2021 bà xin nghỉ việc và được Ban giám đốc đồng ý, bà đã hoàn tất bàn giao số liệu, sổ sách chứng từ và các khoản tiền liên quan của công ty. Hiện bà không còn liên quan cũng như không nhớ rõ chính xác số liệu, chứng từ trong thời gian bà làm việc tại Công ty Đ. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Quá trình giải quyết vụ án trên như sau:

Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Quang M. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Quang M số tiền còn nợ tổng cộng là 7.151.000.000 đồng (Bảy tỷ một trăm năm mươi một triệu đồng).

2. Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.151.000 đồng, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Quang M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.575.857 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0014391 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn – Công ty Cổ phần Đ kháng cáo bản án nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Thay đổi yêu cầu kháng cáo từ yêu cầu sửa bản án sơ thẩm thành hủy bản án sơ thẩm vì:

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không triệu tập người lao động tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Thứ hai, Tòa án không xem xét toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án dẫn đến ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Thứ ba, áp dụng sai cơ sở pháp lý khi lập luận Công ty Đ có nghĩa vụ chứng minh vì đây là vụ án dân sự tranh chấp đòi tài sản chứ không phải tranh chấp lao động nên công ty không có nghĩa vụ chứng minh và cung cấp giấy tờ hoạt động của công ty, cũng như các hợp đồng của người lao động với vai trò người sử dụng lao động.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Thông nhất với trình bày của đại diện bị đơn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Hủy án sơ thẩm vì thời gian nhận lương giữa bản tự khai của người lao động và bảng lương không thống nhất. Ngoài ra cách tính lương cho những người lao động này có mâu thuẫn là tháng 2/2021 là Tết nguyên đán người lao động được nghỉ 7 ngày nhưng ngày công tính lương là đủ 23 ngày, các khoản tiền lương đều chi trả bằng tiền mặt nên không biết người lao động có nhận đầy đủ lương của công ty hay không, về khoảng thưởng hơn 1.000.000.000 đồng trong quy chế công ty không có và cũng chi bằng tiền mặt nên không rõ cơ sở để ông Q chi thưởng cho nhân viên. Đối với các khoản thanh toán cho các nhà thầu phụ do các đơn vị này không hợp tác nên đến nay không có tài liệu cung cấp cho Tòa án cũng như các nhà thầu này cũng không khởi kiện công ty đòi nợ nên không rõ số tiền thực chi cho các nhà thầu này là bao nhiêu. Mặt khác cần làm rõ nguồn tiền mà ông M đã đưa cho kế toán công ty là lấy từ đâu để thanh toán các khoản nợ của Công ty Đ.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn vì những nội dung kháng cáo là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn và xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật vì:

Thứ nhất, Bị đơn đề nghị triệu tập người lao động tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ vì đây là vụ án tranh chấp dân sự đòi tài sản giữa ông M và Công ty Đ không phải tranh chấp lao động.

Thứ hai, những nội dung mà bị đơn kháng cáo đã được trình bày ở cấp sơ thẩm và phía bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì, chứng minh cũng như không có yêu cầu phản tố. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên lý do mà bị đơn trình bày yêu cầu hủy án là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong suốt quá trình từ thụ lý đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định.

+ Về nội dung:

Về triệu tập người lao động tham gia tố tụng: Các bên tranh chấp đòi tài sản. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người lao động đã có lời khai. Vì vậy không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Sĩ Q là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ trong khoảng thời gian từ ngày 16/3/2020 đến ngày 30/11/2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/3/2020 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 30/11/2020.

Theo Quyết định 300620/QĐ/PAL ngày 30/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Đ, thì ông Nguyễn Sĩ Q được quyền quyết định trong việc ký và giao dịch với tất cả các ngân hàng mà công ty đang giao dịch, cụ thể: Ông Q được quyền đứng tên chủ tài khoản của công ty tại các ngân hàng, ký ủy nhiệm chi, hợp đồng, chứng thư, bảo lãnh và toàn bộ các giao dịch có liên quan đến ngân hàng.

Từ thời điểm trước ngày 30/11/2020 đến sau ngày 16/01/2021 và cho đến nay người đại diện theo pháp luật Công ty Đ là ông Hữu Thanh H1 vẫn chưa hủy ủy quyền ngày 01/7/2019.

Theo Bảng sao kê tài khoản của Ngân hàng O thể hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2022, ông Nguyễn Sĩ Q đã tạm ứng tiền của ông Huỳnh Quang M để thanh toán các khoản nợ cho các công ty nhà thầu theo các hợp đồng mà ông Q đại diện cho Công ty P1 ký kết với tổng số tiền 5.040.632.863 đồng và thanh toán tiền lương cho người lao động là: 2.090.781.024 đồng, tổng cộng 7.151.593.887 đồng.

Mặc dù ông Nguyễn Sĩ Q nhiều lần yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền cho các nhà thầu để họ chuyển trả lại cho ông M hoặc yêu cầu Công ty Đ trực tiếp trả lại tiền cho ông M nhưng Công ty Đ vẫn không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp ông M. Do đó ông Huỳnh Quang M yêu cầu Công ty Cổ phần Đ hoàn trả lại toàn bộ số tiền 7.151.593.887 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp

luật là phù hợp nên bị đơn Công ty Đ kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Quang M là không có căn cứ.

Từ căn cứ trên yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên xử Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty Cổ phần Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng

[1.1] Bị đơn nộp đơn kháng cáo, Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về toàn bộ bản án sơ thẩm:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể các chứng từ chuyển khoản của cá nhân ông M hoặc từ tài khoản của bà Nguyễn Thị Hồng H2 cho các công ty Công ty T2, Công ty C1; Công ty G, Công ty K, Công ty T3, Công ty K1, bảng lương thanh toán cho người lao động đều phù hợp với lời trình bày các công ty trên là có nhận số tiền của ông M: Công ty T2 nhận 2.667.572.684 đồng. Công ty G nhận 500.000.000 đồng, Công ty T3 nhận 300.000.000 đồng, Công ty K2 nhận 32.880.320 đồng, Công ty C1 nhận 834.118.167 đồng và Công ty K nhận 726.241.692 và khoản tiền thanh toán lương cho người lao động theo bảng lương là 2.090.781.024 đồng; tổng cộng là: 7.151.593.887 đồng. Việc ông M thanh toán

thay Công ty Đ là theo yêu cầu của ông Q là cổ đông chiếm 65/% cổ phần của Công ty Đ và ông Q cũng là người được Công ty Đ phân công nhiệm vụ theo Quyết định số 300620/QĐ/PAL ngày 30/6/2020 để quyết định mọi vấn đề của công ty.

Theo Công văn số 663/CCTKVQ7NB–KTr3 ngày 22/02/2023 của Chi cục thuế Q - Nhà B thì báo cáo thuế năm 2020 của Công ty Đ có báo cáo thuế của các hợp đồng thi công đối với các công ty trên và Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, Tờ khai thuế giá trị gia tăng, các Bảng kê hóa đơn chứng từ để được khấu trừ thuế đều được ông Huỳnh Hữu T1 Hiền ký chữ ký điện tử và ông H1 không có bất kỳ phản đối nào.

Do bất đồng các thành viên của công ty nên ông Q không thể thực hiện việc thanh toán lại tiền cho ông M; nay ông M khởi kiện đòi lại số tiền đã ứng cho Công ty Đ thanh toán các khoản tiền như đã nêu trên là có căn cứ; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M là phù hợp với các chứng cứ trong vụ án và đúng pháp luật.

[2.2] Ý kiến của phía bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không triệu tập những người lao động tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ liên quan đến vụ án và sai sót trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra quyết định không đúng là không có căn cứ vì các lẽ sau: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp đòi lại tài sản giữa ông Huỳnh Quang M và Công ty Cổ phần Đ. Những người lao động được nhận lương đều là người lao động do Công ty Đ sử dụng nên họ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án.

Phía bị đơn cũng không nêu ra được cụ thể chứng cứ nào chưa được xem xét đánh giá và việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự để yêu cầu phía bị đơn cung cấp chứng cứ là đúng pháp luật nên không chấp nhận ý kiến của đại diện bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền án phí tạm ứng án dân sự phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bị đơn

Công ty Cổ phần Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0036937 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244, Điều 264, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 119, Điều 142, Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Công ty Cổ phần Đ; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2023/DS-ST ngày 15/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Quang Minh

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Quang M số tiền còn nợ tổng cộng là 7.151.000.000 đồng (Bảy tỷ một trăm năm mươi một triệu đồng).

Trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.151.000 đồng, thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền,

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Quang M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.575.857 đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0014391 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền án phí tạm ứng án dân sự phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bị đơn Công ty Cổ phần Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0036937 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, TP.HCM;
- TAND Quận 7, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Vũ-Trâm), 30.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Trâm

